

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Đ
TỈNH ĐIỆN BIÊN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 29/2018/DSTC-ST

Ngày: 20/7/2018

V/v Tranh chấp về quyền sở hữu tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hoà

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lò Thanh Hồng, bà Bạc Thị Kiên.

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Minh Thắng - là Thư ký Toà án nhân dân huyện Đ, tỉnh Điện Biên.

Ngày 20 tháng 7 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 10/2018/TLST-DSTC ngày 08 tháng 12 năm 2017 về tranh chấp "Tranh chấp về quyền sở hữu và các quyền khác đối với tài sản - Kiện đòi tiền" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2018/QĐXXST-DSTC ngày 08 tháng 6 năm 2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông **Phạm Văn D** - sinh năm: 1952 và bà **Trần Thị L** - sinh năm: 1954

Cùng địa chỉ: Đội 13B, xã T, huyện Đ, tỉnh Điện Biên (có mặt).

2. *Bị đơn:* Ông **Nguyễn Văn S** - sinh năm: 1973 và bà **Trần Thị N** - sinh năm: 1975

Cùng địa chỉ: Đội 13A, xã T, huyện Đ, tỉnh Điện Biên (vắng mặt).

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh Điện Biên - Địa chỉ trụ sở: Đội 14, xã T1, huyện Đ, tỉnh Điện Biên.

Người đại diện theo pháp luật của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Hữu K - chức vụ: Chủ tịch UBND huyện Đ.

Người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Bùi Hải B - chức vụ: Phó Chủ tịch UBND huyện Đ (theo văn bản ủy quyền số 1148/UQ-UBND ngày 17/4/2018) (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 27/11/2017, bản tự khai ngày 09/01/2018 và trong quá trình giải quyết nguyên đơn là ông Phạm Văn D và bà Trần Thị L trình bày:

Gia đình D, bà L đã được UBND huyện Đ cấp quyền sử dụng đất số L393903 ngày 07/7/1998 mang tên chủ hộ Phạm Văn D, trong đó có 02 thửa đất trồng lúa số 789 và 790, tổng diện tích của hai thửa đất này là 946 m².

Năm 2011 UBND huyện Đ thu hồi hai thửa đất trên để làm đường phía tây lòng chảo Điện Biên, diện tích thu hồi là 733,9 m² và bồi thường bằng tiền là 27.155.000 đồng; diện tích đất còn lại của hai thửa đất trên là 212,1 m². Tuy nhiên, số tiền bồi thường nêu trên UBND huyện Đ đã trả cho gia đình ông Nguyễn Văn S, bà Trần Thị N.

Năm 2014 ông D, bà L đã khởi kiện đòi quyền sử dụng đất đối với hai thửa đất trên; Tòa án nhân dân hai cấp tỉnh Điện Biên đã xác định: thửa đất số 789 và 790 thuộc bản đồ 335b chính là thửa số 51 và 52 thuộc tờ bản đồ giải tỏa số 13, Tòa án các cấp đã xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện và đã khẳng định thửa đất số 789 và 790 có tổng diện tích 946m² thuộc quyền sử dụng của ông D, bà L, đồng thời buộc gia đình ông S, bà N phải trả lại số đất còn lại của hai thửa này là 212,1m². Ngày 08/6/2017 Tòa án nhân dân Cấp cao tại Hà Nội có văn bản trả lời về việc giải quyết đơn đề nghị giám đốc thẩm của ông S, bà N số 241/TB-TANDCC-DS với nội dung: Tòa án các cấp của tỉnh Điện Biên đã xét xử và giải quyết đúng pháp luật, không có căn cứ để xem xét kháng nghị giám đốc thẩm đối với các bản án của Tòa án tỉnh Điện Biên.

Do đó, ông D và bà L khởi kiện đòi lại quyền sở hữu đối với số tiền nhà nước bồi thường về đất là 27.155.000 đồng (hai mươi bảy triệu một trăm năm mươi lăm nghìn đồng) mà ông S, bà N đã nhận.

Tại văn bản trả lời thông báo thụ lý vụ án ngày 20/12/2017 và ý kiến tại các biên bản giao văn bản tố tụng ngày 08/01/2018, 11/01/2018, 06/7/2018 bị đơn là bà Trần Thị N và ông Nguyễn Văn S đã trình bày:

Gia đình ông S, bà N không có tài sản gì liên quan đến gia đình ông D, bà L; gia đình ông bà cũng không đồng ý với Bản án của Tòa án nhân dân huyện Đ và Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên. Việc gia đình ông bà được nhà nước bồi thường, hỗ trợ tái định cư theo dự án mở đường phía tây lòng chảo Điện Biên là chính đáng; hai thửa ruộng số 789 và 790 là gia đình ông bà đã mua của tập thể đội từ năm 2001 cho đến khi nhà nước thu hồi; trước khi nhận tiền bồi thường gia đình ông bà được chính quyền địa phương và các cơ quan có thẩm quyền xác nhận, đưa vào danh sách bồi thường, chứ gia đình không khai gian dối. Vì vậy đề nghị Tòa án xem xét, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông bà.

Tại văn bản số 861/UBND-TNMT ngày 30/5/2018 và tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ ngày 08/6/2018 ông Bùi Hải B - đại diện theo ủy quyền của UBND huyện Đ là Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có ý kiến:

Năm 2011 thực hiện Dự án: Đầu tư xây dựng tuyến đường phía tây lòng chảo Điện Biên, UBND huyện Đ đã căn cứ vào tờ khai và đơn xin xác nhận nguồn gốc đất của gia đình ông Nguyễn Văn S (vợ là Trần Thị N) được trưởng thôn đội và chính quyền địa phương xác nhận, báo cáo thẩm định của các cơ quan chuyên môn thể hiện thửa đất số 51 và 52, tờ bản đồ 13 (theo bản đồ đo đạc quy chủ) đã được cấp Giấy CNQSDĐ mang tên ông Nguyễn Văn S nên UBND huyện ra quyết định thu hồi tại Quyết định số 1466/QĐ-UBND ngày 24/5/2011.

Sau khi hết thời hạn niêm yết công khai phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án trên, không có ai khiếu nại gì nên UBND huyện Đ đã ban hành Quyết định số 4552/QĐ-UBND ngày 19/10/2011 về phê duyệt phương án bồi thường, trong đó đã thực hiện bồi thường cho ông Nguyễn Văn S (vợ là Trần Thị N) tổng số tiền là: 27.155.000 đồng (hai mươi bảy triệu, một trăm năm mươi lăm nghìn đồng), gồm: Đền bù đất ruộng thửa đất số 51: diện tích 134,3 m² là 4.029.000 đồng; thửa đất số 52: diện tích 599,6 m² là 17.988.000 đồng; đền bù sản lượng lúa 2 vụ là: 5.138.000 đồng.

Nay Tòa án nhân dân các cấp đã xét xử vụ án tranh chấp quyền sử dụng đất giữa gia đình ông bà D L với gia đình ông bà Sơn Nhàn, các bản án đều đã có hiệu lực pháp luật, theo đó Tòa án các cấp quyết định: Thửa đất số 51 và 52 (tức là thửa đất số 789 và 790) thuộc quyền quản lý, sử dụng của ông Phạm Văn D, bà Trần Thị L. Căn cứ vào quyết định của Tòa án, Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ đã tổ chức cưỡng chế và giao lại cho gia đình ông D, bà L phần diện tích đất còn lại của 02 thửa đất trên là 212,1 m².

Xét thấy yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn về việc đòi quyền sở hữu đối với số tiền 27.155.000 đồng là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật nên UBND huyện Đ đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là tranh chấp về dân sự thuộc trường hợp "Tranh chấp về quyền sở hữu và các quyền khác đối với tài sản" quy định tại Khoản 2 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Điện Biên theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai, bị đơn không có yêu cầu phản tố vắng mặt tại phiên tòa không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, do đó Hội đồng xét xử căn cứ Điểm b Khoản 2 Điều 227 và Khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự vẫn tiến hành xét xử vụ án.

Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là "Yêu cầu bảo vệ quyền sở hữu tài sản" nên thuộc trường hợp không áp dụng thời hiệu khởi kiện theo quy định tại Điều 184 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Khoản 2 Điều 155 của Bộ luật Dân sự.

[2] Về Nội dung:

Nguyên đơn ông Phạm Văn D và bà Trần Thị L khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Văn S và bà Trần Thị N phải trả số tiền 27.155.000 đồng là tiền Nhà nước bồi thường khi thu hồi đất để thực hiện Dự án: Xây dựng đường phía tây lòng chảo Điện Biên, huyện Đ mà ông S, bà N đã nhận tại Phiếu chi ngày 10/11/2011 của Ban quản lý dự án huyện Đ.

Quá trình giải quyết vụ án, nhiều lần Tòa án gửi thông báo cho ông Sơn và bà Nhân đến Tòa án làm việc nhưng ông bà đều vắng mặt. Tại văn bản trả lời ý kiến ông S, bà N thừa nhận đã nhận khoản tiền do Nhà nước bồi thường là 27.155.000 đồng.

Các tài liệu, chứng cứ đã thu thập có trong hồ sơ, thể hiện:

Ngày 07/7/1998 hộ gia đình ông Phạm Văn D, bà Trần Thị L được Ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh Điện Biên cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số L393903 (vào sổ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00102 QSDĐ/496.QĐ.H.UBND) với tổng diện tích 7.910 m².

Năm 2011 thực hiện dự án: Đầu tư xây dựng tuyến đường phía tây lòng chảo Điện Biên, Ủy ban nhân dân huyện Đ đã ra Quyết định số 1466/QĐ-UBND ngày 24/5/2011 về việc thu hồi đất của 203 hộ gia đình cá nhân tại địa bàn xã T, trong đó thu hồi 02 thửa đất trồng lúa đã cấp quyền sử dụng cho hộ gia đình ông D, bà L là: Thửa đất số 798, số tờ bản đồ 335-b, có diện tích: 514 m² và thửa đất số 790, tờ bản đồ 335-b, có diện tích: 432 m², tổng diện tích của 02 thửa là: 946 m², trong đó: Diện tích đất thu hồi của 02 thửa là 733,9 m², diện tích đất còn lại của 02 thửa là 212,1m².

Tuy nhiên, gia đình ông Nguyễn Văn S, bà Trần Thị N ở Đội 13A, xã T, huyện Đ là người thực hiện việc kê khai đất, được trưởng thôn đội 13A và chính quyền xã T xác nhận, do đó ngày 19/10/2011 Ủy ban nhân dân huyện Đ ban hành Quyết định số 4552/QĐ-UBND phê duyệt phương án bồi thường, trong đó đã thực hiện bồi thường cho ông Nguyễn Văn S (vợ là Trần Thị N) tổng số tiền là: 27.155.000 đồng (hai mươi bảy triệu, một trăm năm mươi lăm nghìn đồng), gồm: Đền bù đất ruộng thửa đất số 51: diện tích 134,3 m² là 4.029.000 đồng; thửa đất số 52: diện tích 599,6 m² là 17.988.000 đồng; đền bù sản lượng lúa 2 vụ là: 5.138.000 đồng (thửa đất số 789 và 790 thuộc bản đồ 335-b chính là thửa số 51 và 52 thuộc tờ bản đồ giải tỏa số 13).

Năm 2014 ông D, bà L khởi kiện ông S, bà N yêu cầu trả lại diện tích đất còn lại của 02 thửa (thửa đất số 789 và 790 thuộc bản đồ 335-b) là 212,1 m². Tòa án nhân dân các cấp đã giải quyết tranh chấp trên với các kết quả giải quyết như sau:

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 23/2015/DSST ngày 16/9/2015 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Điện Biên đã quyết định: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị L, buộc ông Nguyễn Văn S và bà Trần Thị N phải trả cho bà Trần Thị L và ông Phạm Văn D diện tích đất 212,1 m² của thửa đất số 789 và 790 thuộc bản đồ 335-b thuộc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số L 393903 ngày 07/7/1998 mang tên Phạm Văn D.

Tại Bản án dân sự phúc thẩm số 08/2015/DS-PT ngày 21/12/2015 của Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên đã quyết định: Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 23/2015/DSST ngày 16/9/2015 của Tòa án nhân dân huyện Đ, buộc ông Nguyễn Văn S và bà Trần Thị N phải trả cho bà Trần Thị L và ông Phạm Văn D diện tích đất 212,1 m² của thửa đất số 789 và 790 thuộc bản đồ 335-b thuộc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số L 393903 ngày 07/7/1998 mang tên Phạm Văn D.

Ông S, bà N đã làm đơn đề nghị Tòa án nhân dân Cấp cao xem xét lại theo thủ tục giám đốc thẩm đối với Bản án dân sự phúc thẩm của Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên. Tại Thông báo số 241/TB-TANDCC-DS ngày 08/6/2017 của Tòa án nhân dân Cấp cao tại Hà Nội đã có ý kiến trả lời như sau: Tòa án cấp sơ thẩm và Tòa án cấp phúc thẩm buộc ông S, bà N trả cho ông D, bà L diện tích đất 212,1 m² thuộc thửa đất số 789 và 790 thuộc bản đồ 335-b là có căn cứ, vì vậy không có căn cứ để kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm đối với Bản án dân sự phúc thẩm số 08/2015/DS-PT ngày 21/12/2015 của Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên.

Ông S, bà N cho rằng khoản tiền 21.155.000 đồng là tiền Nhà nước bồi thường cho gia đình ông bà, chứ không phải tiền ông bà lấy của gia đình ông D, bà L. Xét thấy, khi triển khai thực hiện dự án "Xây dựng tuyến đường phía tây lòng chảo Điện Biên", UBND huyện Đ căn cứ vào tờ khai của hộ gia đình ông Nguyễn Văn S có xác nhận của UBND xã T và báo cáo thẩm định của các cơ quan chuyên môn nên đã thu hồi đất và bồi thường tiền cho gia đình ông S, bà N; sau đó bà L, ông D khởi kiện tranh chấp quyền sử dụng đất. Tòa án nhân dân các cấp đã xác định thửa đất số 789 và 790, tờ bản đồ 335-b thuộc quyền sử dụng của ông Phạm Văn D và bà Trần Thị L tại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số L393903 ngày 07/7/1998. Theo đó, số tiền bồi thường từ việc thu hồi một phần diện tích đất của 02 thửa đất trên thuộc quyền sở hữu của ông D và bà L.

Do đó, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ và phù hợp với các quy định tại Khoản 1 Điều 166, 235 của Bộ luật Dân sự nên được chấp nhận, buộc ông Nguyễn Văn S, bà Trần Thị N phải trả cho ông Phạm Văn D và bà Trần Thị L số tiền 27.155.000 đồng (hai mươi bảy triệu một trăm năm mươi lăm nghìn đồng).

[3] Về trách nhiệm do chậm thực hiện nghĩa vụ:

Trong trường hợp ông S, bà N chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì phải trả tiền lãi suất cho ông D, bà L theo quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

[4] Về nghĩa vụ chịu án phí: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ nên nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch; bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 5% đối với tổng số tiền phải

trả cho nguyên đơn theo quy định tại Khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điểm b mục 1.3 phần II Danh mục án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng Khoản 2 Điều 26, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Áp dụng Khoản 2 Điều 155, Khoản 1 Điều 166, Điều 235 của Bộ luật Dân sự;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phạm Văn D và bà Trần Thị L.

2. Buộc ông Nguyễn Văn S, bà Trần Thị N phải trả cho ông Phạm Văn D và bà Trần Thị L số tiền **27.155.000 đồng** (*hai mươi bảy triệu một trăm năm mươi lăm nghìn đồng*).

3. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và ông D, bà L có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông S, bà N chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì phải trả tiền lãi suất cho ông D, bà L theo quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

4. Về án phí: Áp dụng Khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điểm b mục 1.3 phần II Danh mục án phí, lệ phí Tòa án.

- Ông Nguyễn Văn S, bà Trần Thị N phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là: 1.357.750 đồng (một triệu, ba trăm lăm mươi bảy nghìn, bảy trăm năm mươi đồng).

- Hoàn trả lại cho ông Phạm Văn D, bà Trần Thị L số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đã nộp là 675.000 đồng (sáu trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0002709 ngày 08/12/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Điện Biên.

5. Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (20/7/2018);

Bị đơn và Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi

hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Đ;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- TAND tỉnh Điện Biên;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Thị Hoà